

Số: 29/GPMT-UBND

Long Khánh, ngày 07 tháng 02 năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số: 23.11/CV-MC ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Công ty TNHH Âm thực Mai Châu Galaxy về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Xưởng cung cấp suất ăn công nghiệp quy mô 4.000 suất ăn/ngày” kèm theo hồ sơ liên quan.

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 62/TTr-TNMT ngày 23 tháng 01 năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Âm thực Mai Châu Galaxy, địa chỉ tại tổ 1, ấp 3, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xưởng cung cấp suất ăn công nghiệp quy mô 4.000 suất ăn/ngày”, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Xưởng cung cấp suất ăn công nghiệp quy mô 4.000 suất ăn/ngày.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 1, ấp 3, xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số 0313483820 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 08 tháng 9 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0313483820.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cung cấp suất ăn công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Tổng diện tích của dự án là 2.882,6 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở thuộc Dự án đầu tư nhóm III (căn cứ theo quy định tại khoản 2 Mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường).

- Công suất: Cung cấp suất ăn công nghiệp quy mô 4.000 suất ăn/ngày.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Âm thực Mai Châu Galaxy được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Âm thực Mai Châu Galaxy có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 07 tháng 02 năm 2025 đến ngày 07 tháng 02 năm 2035).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH Âm thực Mai Châu Galaxy;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Bộ phận TN&TKQ thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao  
*(đề nghị đăng trên Trang TTĐT thành phố);*
- UBND xã Bình Lộc;
- Chánh, Phó VP;
- Lưu: VT, TH (NN);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Đại Giang**

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 29/GP-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Long Khánh)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt;
- + Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động nấu ăn;
- + Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình tẩy rửa.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là suối Tre, sau đó chảy ra sông La Ngà.

##### 2.2. Vị trí xả thải:

- Nước thải sau khi xử lý được đầu nối vào nhánh mương thoát nước tại tổ 7, ấp 1, xã Bình Lộc để thoát ra suối.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m)= 1214044; Y(m)= 443855.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 60 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm dẫn bằng tuyến ống thoát nước thải HDPE D90 chảy vào nguồn tiếp nhận.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K=1,2), cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K=1,2)</b>
1	pH	-	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	36
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	60
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600
5	Photphat (tính theo P)	mg/l	7,2

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K=1,2)
6	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
8	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,2
9	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
11	Coliform	MPN/100ml	3.600

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống thu gom nước thải:

- Các nguồn nước thải phát sinh chủ yếu tại Công ty cụ thể như sau:

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt, nước thải từ hoạt động nấu ăn, nước thải từ quá trình tẩy rửa được thu gom về hệ thống xử lý nước thải đạt theo quy chuẩn quy định trước khi xả thải ra môi trường.

- Tổng khối lượng nước thải phát sinh khoảng 60 m<sup>3</sup>/ngày.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại sẽ được dẫn về công trình XLNT 1 (sinh học) công suất thiết kế 30m<sup>3</sup>/ngày.đêm;

+ Nước thải từ hoạt động nấu ăn được thu gom và được dẫn về công trình XLNT 1 (sinh học) công suất thiết kế 30m<sup>3</sup>/ngày.đêm;

+ Nước thải từ quá trình tẩy rửa được thu gom và dẫn về công trình XLNT 2 (hóa lý) công suất thiết kế 30m<sup>3</sup>/ngày.đêm;

- Công suất thiết kế: Công trình xử lý nước thải 1 (sinh học) công suất thiết kế 30m<sup>3</sup>/ngày.đêm và Công trình xử lý nước thải 2 (hóa lý) công suất thiết kế 30m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo nước thải sau xử lý đúng quy định.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:**

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 02 hệ thống xử lý nước thải với tổng công suất thiết kế 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải theo quy định tại Phần A của Phụ lục này. Các thông số ô nhiễm chính sau: pH, BOD<sub>5</sub>, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng chất rắn hòa tan, Photphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Amoni (tính theo N), Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Nitrat (tính theo N), Chất hoạt động bề mặt, Coliform.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải ít nhất là 03 ngày liên tiếp. Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 29/GP-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025  
của UBND thành phố Long Khánh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (hoạt động của dự án không phát sinh khí thải tại nguồn).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

- Có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo quy chuẩn môi trường quy định.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải chưa qua xử lý ra môi trường.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 29/GP-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025  
của UBND thành phố Long Khánh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (hoạt động của dự án không phát sinh khí thải tại nguồn).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 29/GP-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Long Khánh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Thiết bị linh kiện điện tử thải (đèn led,...)	16 01 13	Rắn	6
2	Bao bì nhựa cứng thải (thùng chứa hóa chất, ...)	18 01 03	Rắn	15
3	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	10
4	Pin thải	19 06 01	Rắn	2
	<b>Cộng</b>			<b>33</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì đóng gói hư hỏng, giấy carton, giấy vụn, giấy loại bỏ từ văn phòng	18 01 05	Rắn	150
2	Bùn, cặn từ hệ thống sơ chế, làm sạch và xử lý nước thải	14 04 01	Rắn	1.440
	<b>Tổng khối lượng</b>			<b>1.590</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng dự kiến (tấn/năm)
1	CTR sinh hoạt nhóm thực phẩm (thức ăn thừa, phế phẩm nhà ăn)	120
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>120</b>

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 2 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông chống thấm, mái, có biển báo và dán nhãn.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 3 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông chống thấm, mái che.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng đã được phân loại tại nguồn theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 và Khoản 7 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 gồm 03 loại: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; Chất thải rắn sinh hoạt khác và được lưu chứa đúng quy định.

2.3.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 8,4 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông chống thấm, mái, có dán nhãn từng thùng.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, đổ tràn chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 29/GP-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố Long Khánh)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.